



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Long Hậu

Ngày 31/12/2025	28,850 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.0%	-4.8%	-8.9%

DT thuần Q4/25
121
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.00 8.5%
YoY: ▲ 26.4 28.4%

LN thuần Q4/25
48.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 8.50 -15.0%
YoY: ▲ 24.5 104%

LN sau thuế Q4/25
46.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.40 0.8%
YoY: ▲ 1.70 3.7%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
54.4%
YoY: +/- ▼ 4.7%

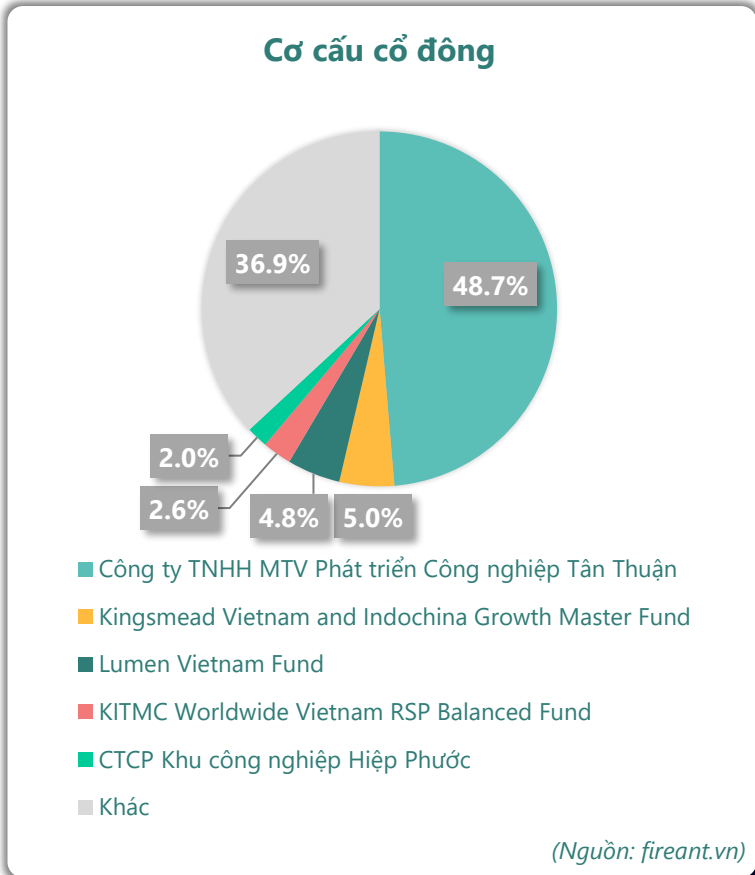
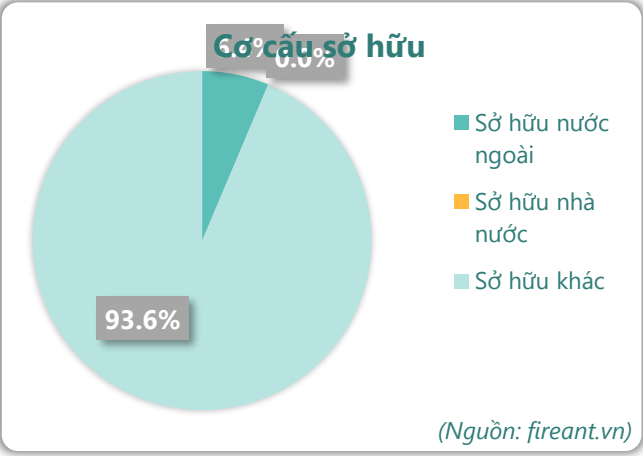
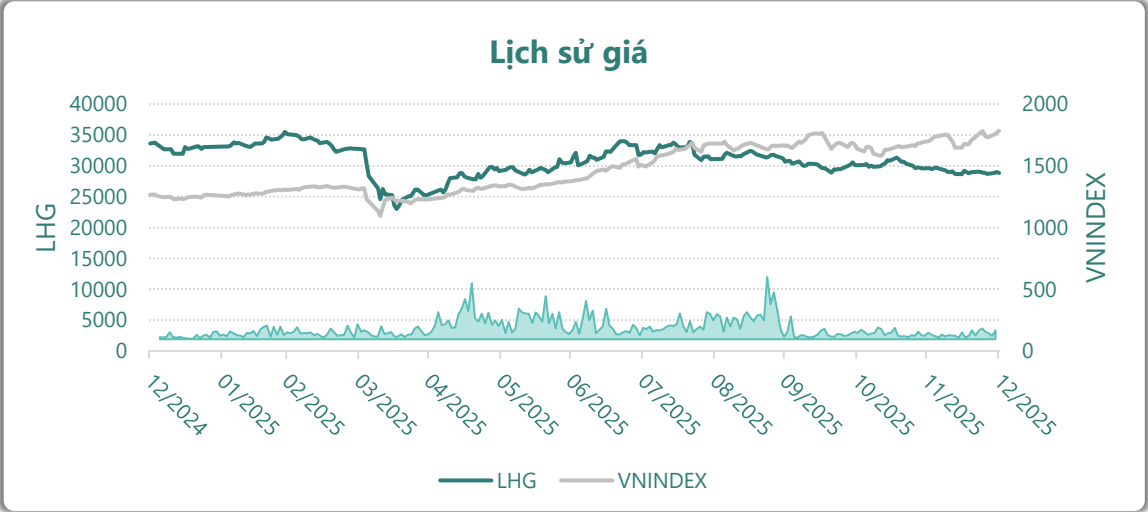
ROE 2025
16.7%
YoY: +/- ▲ 5.2%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	23,007 - 35,504
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,443
Số lượng CPLH (CP)	50,012,010
KLGD BQ 20 phiên (CP)	52,205
Sở hữu nước ngoài	6.4%
Beta	0.46
EPS	5,848
P/E	4.9

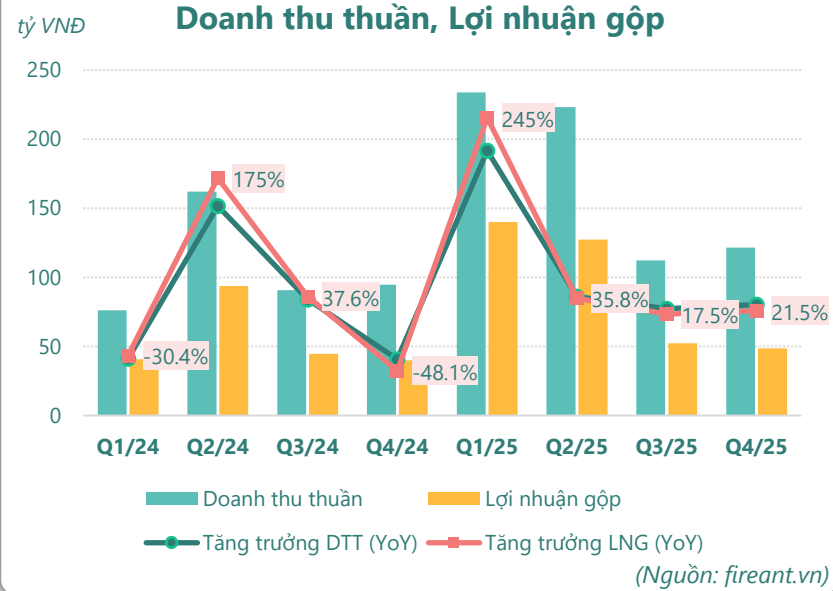
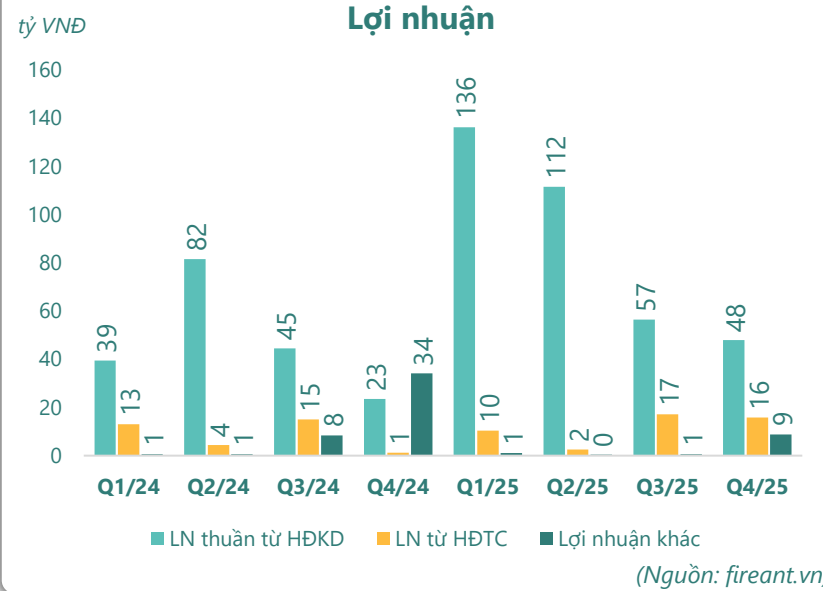
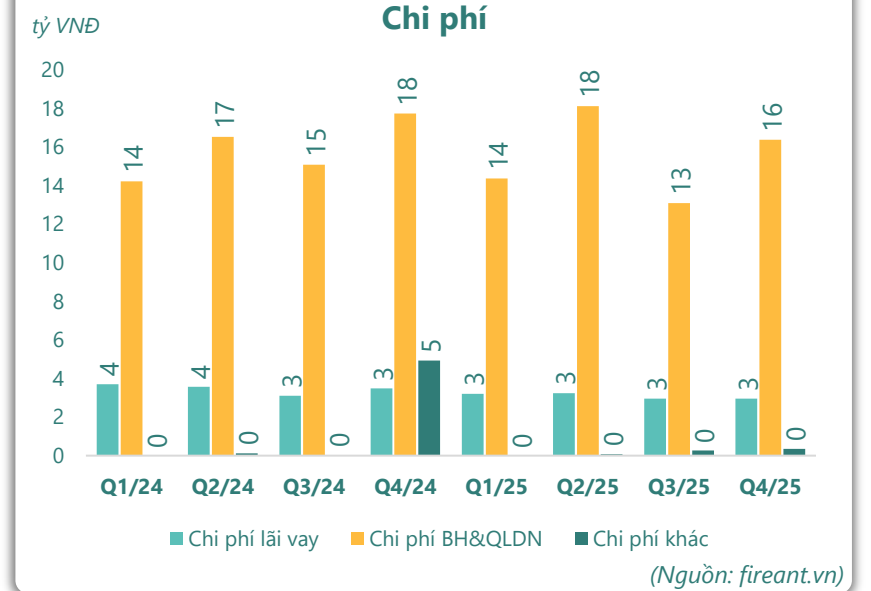
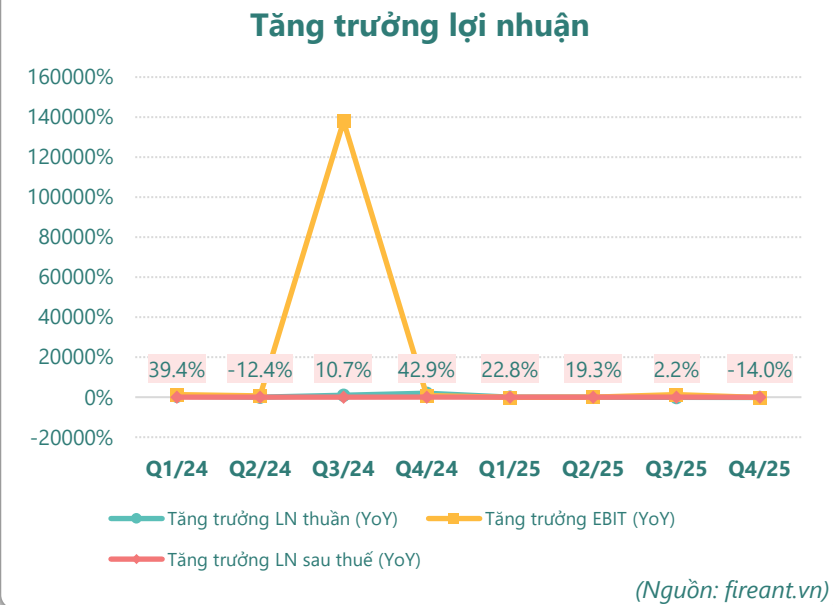
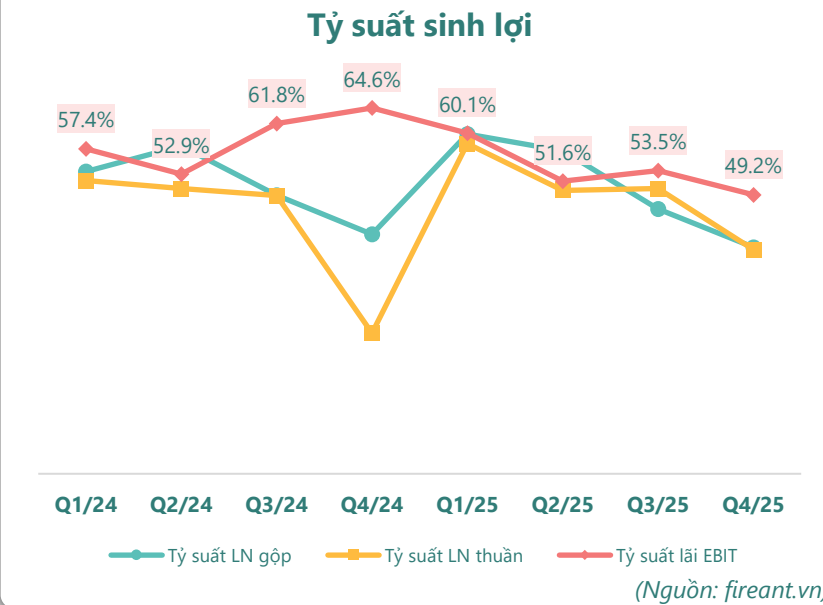
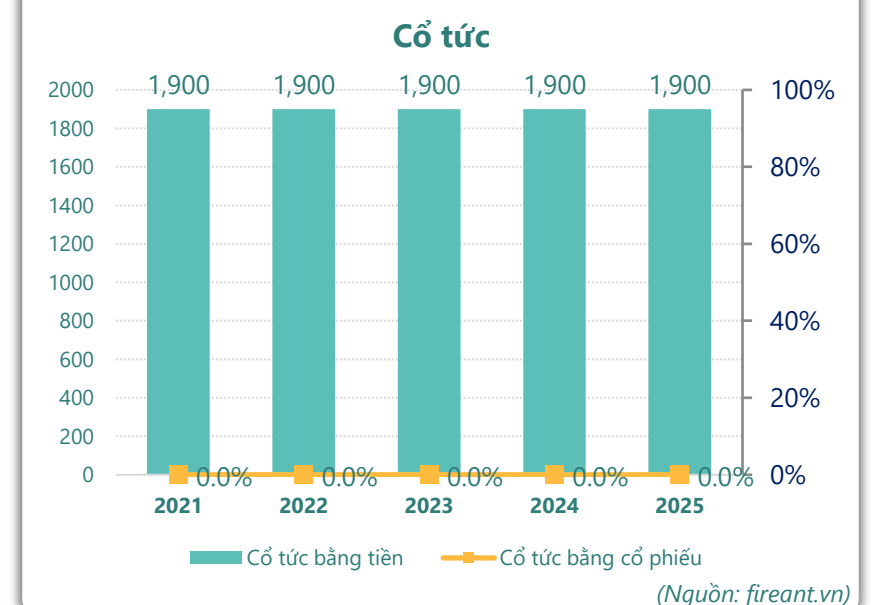
DT thuần 2025
691
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 268 63.1%

LN thuần 2025
352
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 160 83.3%

LN sau thuế 2025
292
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 105 56.0%



KẾT QUẢ KINH DOANH

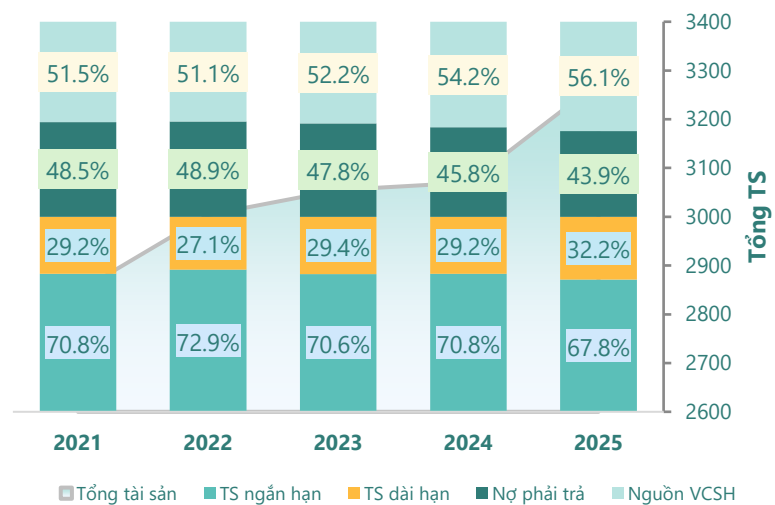




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

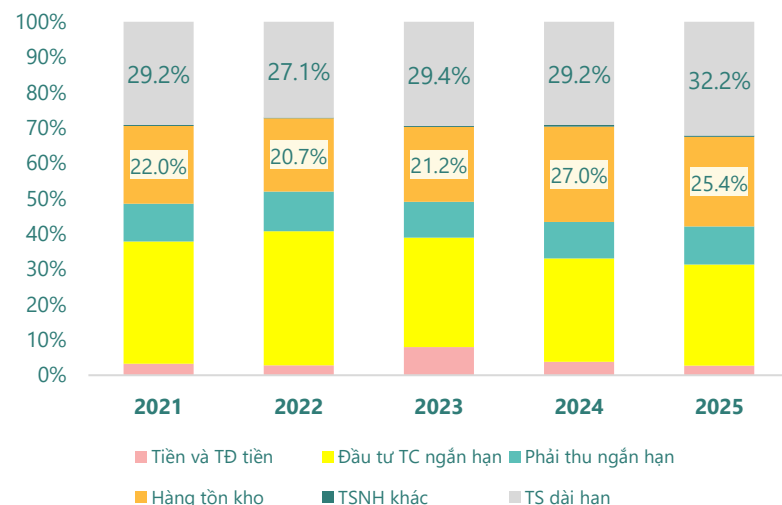
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

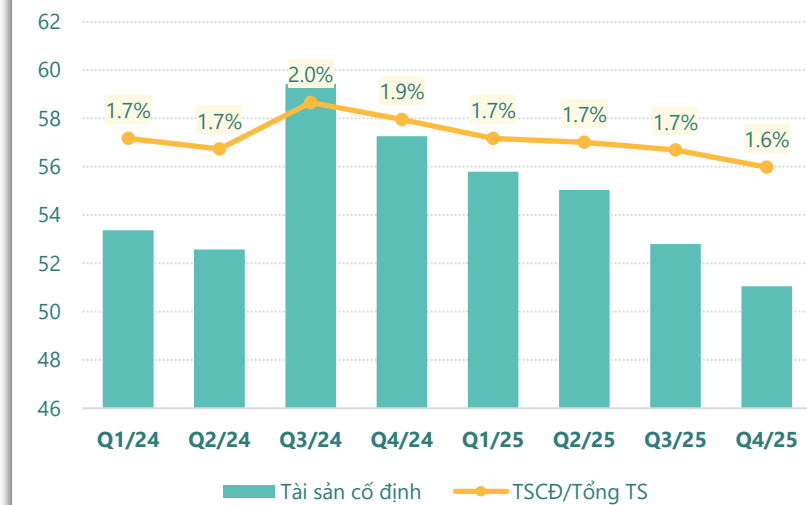
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

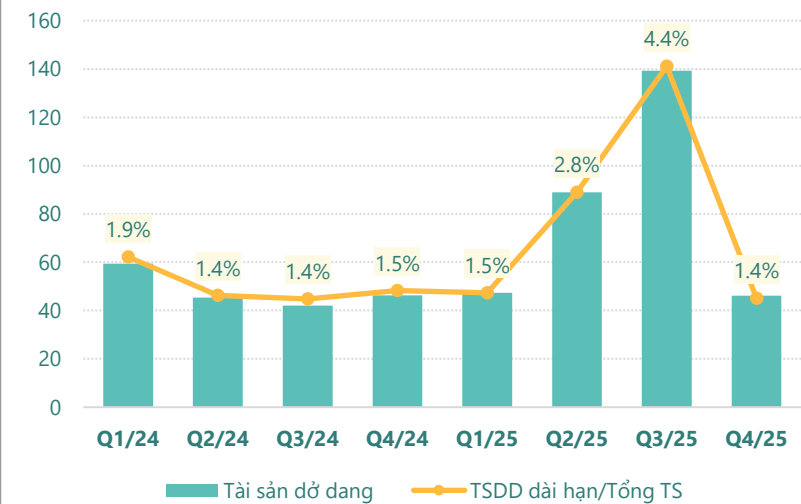
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

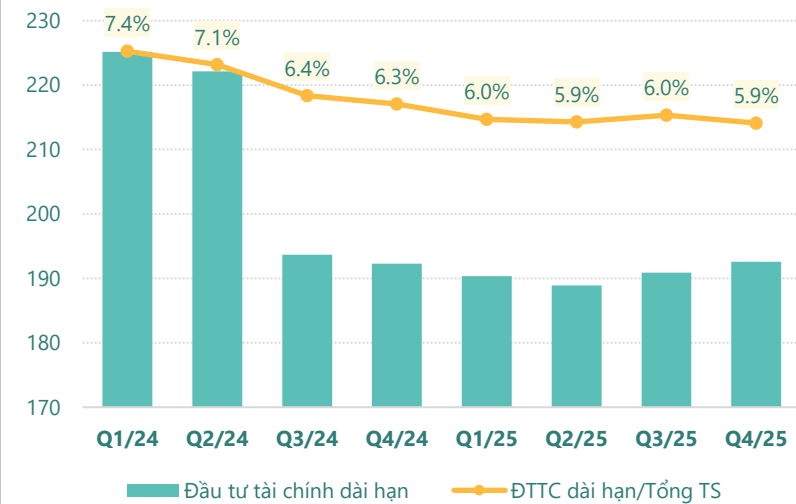
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

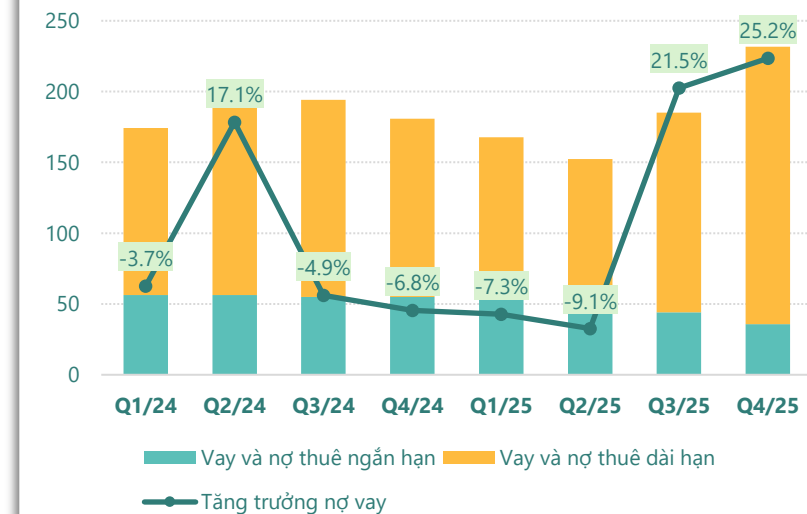
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

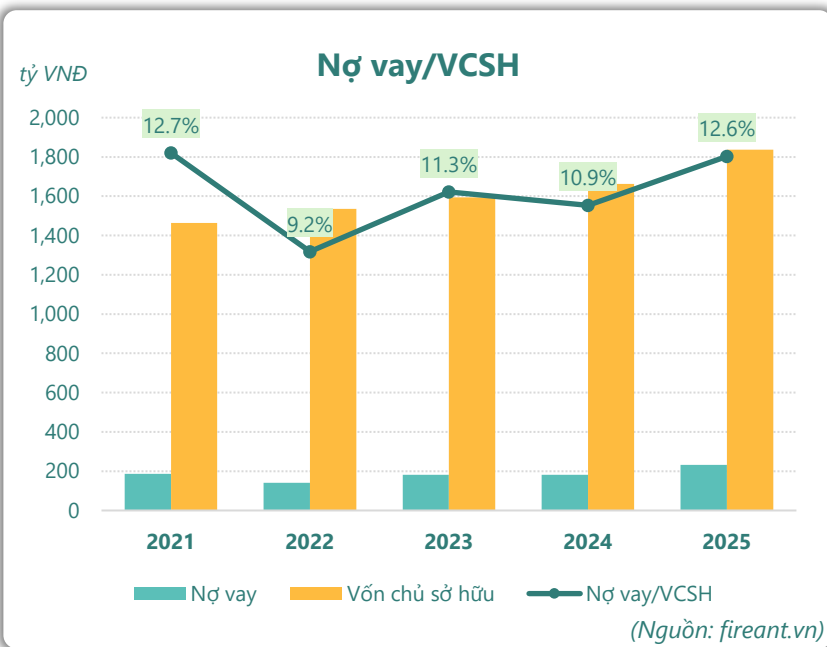
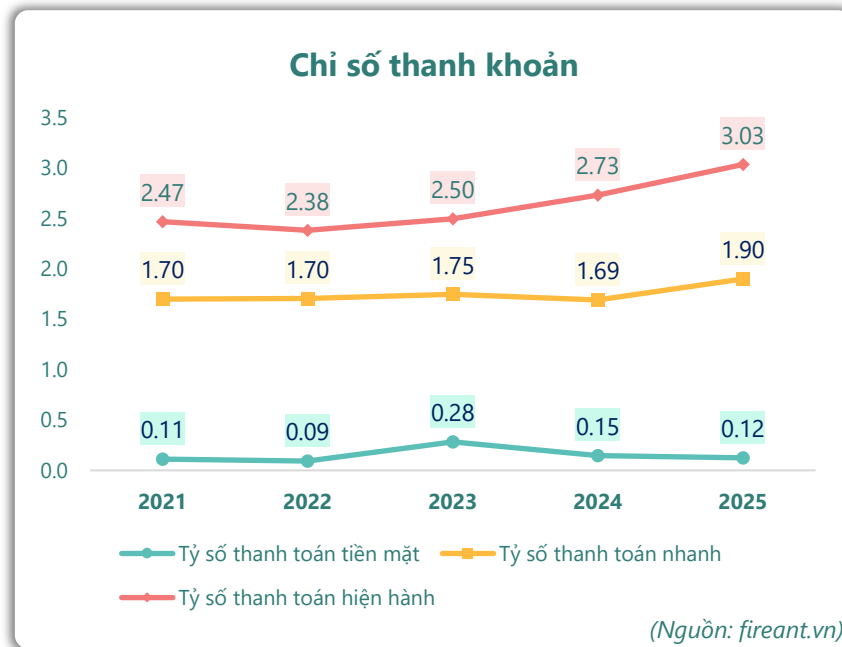
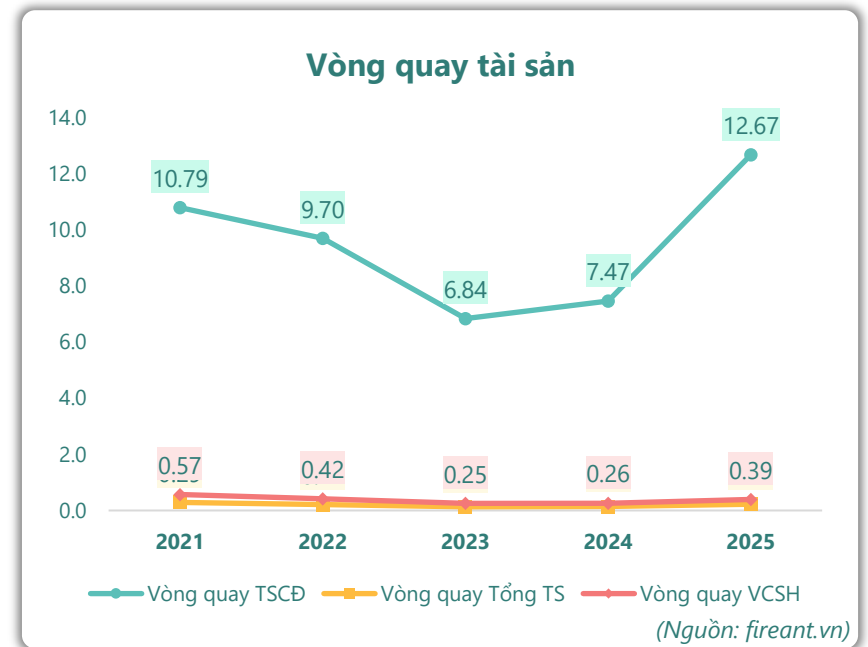
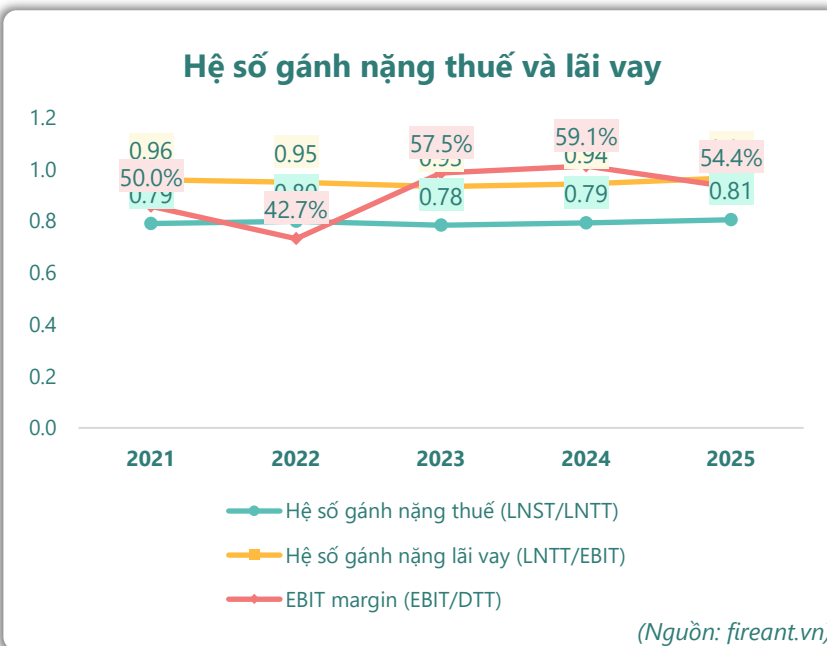
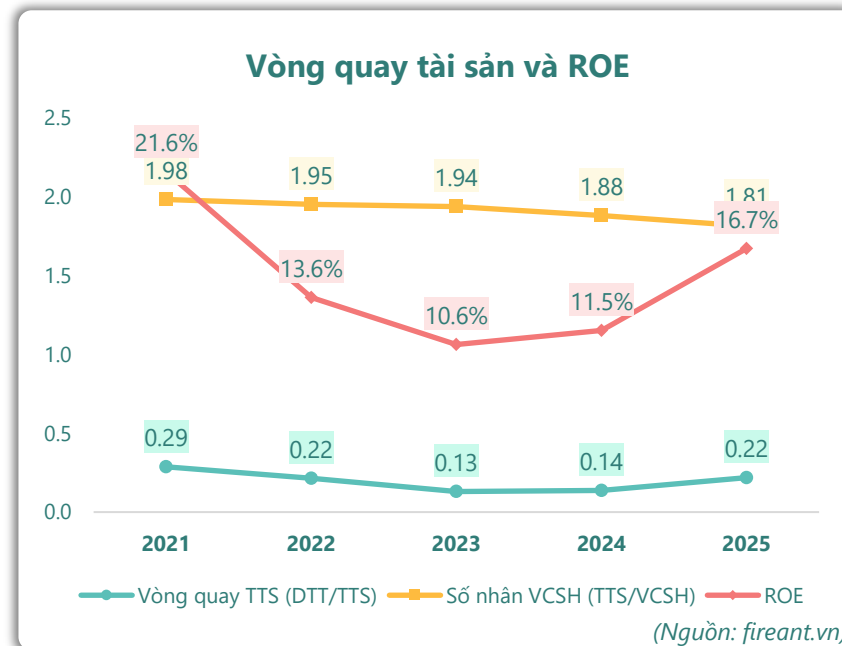
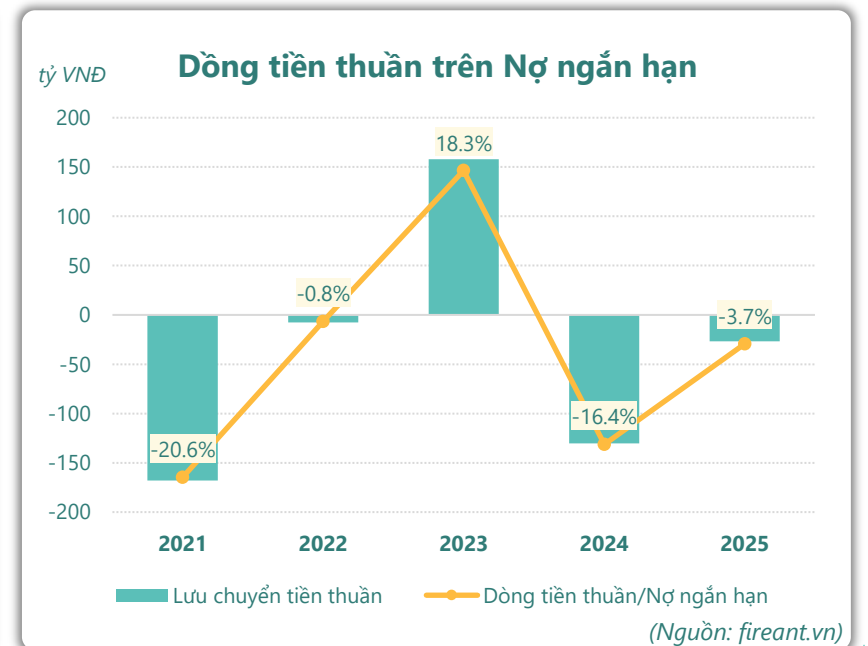
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	121	94.6	28.4%	691	423	63.1%
Giá vốn hàng bán	72.9	54.6	33.5%	322	201	60.1%
Lợi nhuận gộp	48.6	40.0	21.4%	368	222	65.8%
Doanh thu HĐTC	17.1	6.09	181%	58.0	57.6	0.9%
Chi phí TC	1.27	4.84	-73.8%	12.1	23.9	-49.5%
Chi phí lãi vay	2.96	3.48	-15.0%	12.4	13.8	-10.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.32	1.57	-15.6%	7.12	5.44	30.9%
Chi phí QLDN	15.1	16.2	-7.0%	54.9	58.2	-5.6%
LN thuần từ HĐKD	48.0	23.5	104%	352	192	83.3%
Lợi nhuận khác	8.84	34.1	-74.1%	10.9	44.2	-75.2%
LN trước thuế	56.9	57.6	-1.3%	363	236	53.7%
Lợi nhuận sau thuế	46.5	44.8	3.7%	292	187	56.0%
LNST của CĐ cty mẹ	46.5	44.8	3.7%	292	187	56.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	33.9	116	109	59.1	6.56	41.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-108	-56.2	-88.9	-38.8	27.1	-98.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-104	-13.4	-13.2	-15.3	-62.2	46.7
Tiền đầu kỳ	247	69.6	116	122	128	99.7
Lưu chuyển tiền thuần	-178	46.0	6.65	5.03	-28.6	-9.95
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.13	0	0.92	0	0.42
Tiền cuối kỳ	69.6	116	122	128	99.7	90.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,275	3,070	6.7%
Tài sản ngắn hạn	2,222	2,172	2.3%
Tiền và tương đương tiền	90.1	116	-22.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	934	900	3.9%
Phải thu ngắn hạn	353	316	11.8%
Hàng tồn kho	831	828	0.4%
Tài sản ngắn hạn khác	13.5	13.5	-0.2%
Tài sản dài hạn	1,053	898	17.3%
Phải thu dài hạn	3.81	3.81	0.0%
Tài sản cố định	51.1	57.9	-11.9%
Bất động sản đầu tư	712	551	29.2%
Tài sản dở dang	46.1	46.3	-0.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	193	192	0.1%
Tài sản dài hạn khác	47.9	46.6	2.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,439	1,407	2.2%
Nợ ngắn hạn	732	795	-7.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	35.8	54.9	-34.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	63.1	31.2	102%
Nợ dài hạn	706	612	15.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	196	126	55.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,837	1,663	10.4%
Vốn chủ sở hữu	1,837	1,663	10.4%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

